

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG MIỀN NÚI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ NHẪM GÓP PHẦN THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ BỀN VỮNG

*Tráng A Dương**

Miền núi Việt Nam chiếm khoảng 70% diện tích đất tự nhiên, là địa bàn cư trú của đại số các đồng bào dân tộc thiểu số. Miền núi là địa bàn có nhiều tiềm năng kinh tế và đóng vai trò to lớn đối với môi trường sinh thái của Việt Nam nói chung, đồng thời có vị trí đặc biệt quan trọng về quốc phòng an ninh.

Hiện nay, trên địa bàn này phần lớn đồng bào các dân tộc thiểu số đang gặp rất nhiều khó khăn như: thiếu lương thực, trình độ dân trí thấp, tỷ lệ mù chữ cao, cơ sở hạ tầng yếu kém,... đang là những trở ngại lớn cho sự phát triển. Hoà nhập với sự phát triển chung của cả nước, những vấn đề về sử dụng không hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên; đô thị hoá đang dẫn tới sự mất cân bằng sinh thái, chất lượng môi trường bị ảnh hưởng, dẫn đến diện mạo kinh tế - xã hội ở miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa thể hiện được tầm vóc của một vùng nhiều tiềm năng.

Chính vì vậy, để phát triển bền vững việc bảo vệ môi trường sống là vấn đề rất quan trọng; trong đó, việc nghiên cứu những giải pháp phát triển môi trường miền núi vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

1. Một số vấn đề lý luận về môi trường

1.1. Khái niệm môi trường

Theo định nghĩa rộng nhất thì môi trường là tập hợp tất cả các điều kiện và hiện tượng bên ngoài có ảnh hưởng tới một

vật thể hoặc một sự kiện. Bất cứ một vật thể, một sự kiện nào cũng tồn tại và diễn biến trong một môi trường.

Đối với con người thì môi trường sống là tổng hợp những điều kiện vật lý, hoá học, sinh học, kinh tế, xã hội bao quanh và ảnh hưởng tới sự sống, sự phát triển của từng cá nhân và của từng cộng đồng người.

Môi trường sống của con người có thể được hiểu theo nghĩa rộng hoặc nghĩa hẹp như sau:

Theo nghĩa rộng thì môi trường bao gồm cả tài nguyên thiên nhiên và các nhân tố về chất lượng của môi trường đối với sức khỏe và tiện nghi sinh sống của con người.

Theo nghĩa hẹp thì môi trường gồm các nhân tố về chất lượng của môi trường đối với sức khỏe và tiện nghi sinh sống của con người, gọi tắt là chất lượng môi trường. Các nhân tố đó thường là không khí, nước, âm thanh, ánh sáng, bức xạ, cảnh quan, thẩm mỹ, đạo đức, quan hệ chính trị xã hội tại địa bàn sinh sống và làm việc của con người. Còn theo Luật bảo vệ môi trường của Việt Nam thì "Môi trường bao gồm các yếu tố tự nhiên và vật chất nhân tạo bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và sinh vật".

1.2. Một số chức năng chủ yếu của môi trường

Môi trường là không gian sinh sống cho con người và sinh vật.

* Tráng A Dương, Thạc sĩ, Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án Điện mặt trời - Ủy ban Dân tộc.

Trong cuộc sống hàng ngày, chúng ta đều cần một không gian nhất định để phục vụ cho các hoạt động thiết yếu như: nhà ở, nơi nghỉ ngơi, đất để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, kho tàng bến cảng,... Yêu cầu về không gian sống của con người thay đổi theo trình độ khoa học, công nghệ. Trình độ phát triển càng cao thì nhu cầu về không gian sản xuất sẽ càng giảm. Tuy nhiên, môi trường luôn là nơi cung cấp mặt bằng và nền móng cho các đô thị, khu công nghiệp, kiến trúc hạ tầng cho đô thị và nông thôn,...

Môi trường là nơi chứa đựng các nguồn tài nguyên cần thiết cho đời sống và sản xuất của con người.

Với sự hỗ trợ của các hệ thống sinh thái, con người đã lấy từ tự nhiên những nguồn tài nguyên thiên nhiên cần thiết phục vụ cho việc sản xuất ra của cải vật chất nhằm đáp ứng nhu cầu của mình. Thiên nhiên là nguồn cung cấp mọi tài nguyên cần thiết. Nó cung cấp nguồn vật liệu, năng lượng, thông tin cần thiết cho các hoạt động sinh sống, sản xuất và quản lý của con người. Rừng tự nhiên cung cấp nước, bảo tồn tính đa dạng sinh học và độ phì của đất, cung cấp gỗ, dược liệu và cải thiện điều kiện sinh thái; Thủy lợi cung cấp nước, dinh dưỡng, các nguồn thủy hải sản; động thực vật cung cấp lương thực, thực phẩm và các nguồn gen quý hiếm.

Không khí, nhiệt độ, năng lượng mặt trời, gió, nước,... để con người hít thở, là môi trường để cây cối ra hoa kết quả; các loại khoáng sản, dầu mỏ cung cấp năng lượng và nguyên liệu cho các hoạt động sản xuất công, nông nghiệp.

Môi trường là nơi chứa đựng các chất phế thải do con người tạo ra trong cuộc sống và hoạt động sản xuất.

Trong quá trình sản xuất và tiêu dùng của cải vật chất, con người luôn đào thải vào môi trường các chất thải. Sự gia tăng dân số quá nhanh, quá trình đô thị hoá, công nghiệp hoá ngày càng làm cho khối lượng các chất thải tăng lên không ngừng, nhiều nơi quá tải gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Môi trường là nơi lưu trữ và cung cấp thông tin cho con người.

Qua các hoá thạch, bào tử phấn hoa và các vết tích của quá trình tiến hoá trong tự nhiên mà môi trường còn lưu giữ lại, đã cung cấp cho chúng sự ghi chép và lưu trữ lịch sử địa chất, lịch sử tiến hoá của vật chất và sinh vật, lịch sử xuất hiện và phát triển văn hoá của loài người; đồng thời cung cấp các chỉ thị không gian và tạm thời mang tính chất tín hiệu và báo động sớm các hiểm hoạ đối với con người. Môi trường lưu trữ và cung cấp cho con người sự đa dạng các nguồn gen, các loài động thực vật, các hệ sinh thái tự nhiên, các cảnh quan tự nhiên và nhân tạo có giá trị thẩm mỹ để con người chiêm ngưỡng và thưởng ngoạn.

1.3. Mâu thuẫn giữa môi trường và phát triển

Phát triển là quá trình nâng cao điều kiện sống về vật chất và tinh thần của con người bằng việc phát triển lực lượng sản xuất, thay đổi quan hệ sản xuất, quan hệ xã hội, nâng cao chất lượng hoạt động văn hoá. Phát triển là xu thế tự nhiên của mỗi cá nhân con người hoặc cộng đồng người. Đối với mỗi quốc gia, quá trình phát triển phải nhằm đạt tới một mục tiêu nhất định, tiêu biểu cho mức sống vật chất và tinh thần của người dân trong quốc gia đó. Các mục tiêu phát triển thường được cụ thể hoá bằng những chỉ tiêu về đời sống vật chất như lương thực, nhà ở, năng lượng, vật liệu, điều kiện sức khoẻ, và đời sống tinh thần như giáo dục,...

Môi trường và phát triển có mối quan hệ rất chặt chẽ. Môi trường là địa bàn và đối tượng của phát triển. Đối với mỗi vùng cụ thể của đất nước hoặc trong phạm vi cả nước luôn tồn tại đồng thời hai hệ thống đó là: hệ thống kinh tế - xã hội và hệ thống môi trường.

Hệ thống kinh tế - xã hội được cấu thành bởi các thành phần sản xuất, lưu thông, phân phối, tiêu dùng và tích lũy, tạo nên một dòng nguyên liệu, năng lượng, chế phẩm hàng hoá, phế thải, lưu thông giữa các phần tử cấu thành hệ thống.

Hệ thống môi trường với các thành phần môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Khu vực giao thoa giữa hai hệ thống tạo thành môi trường nhân tạo. Khu vực giao thoa này thể hiện tất cả các mối quan hệ giữa phát triển và môi trường.

Môi trường thiên nhiên cung cấp tài nguyên cho hệ thống kinh tế, đồng thời tiếp nhận chất thải từ hệ thống kinh tế. Chất thải này có thể ở lại hẳn trong môi trường thiên nhiên, hoặc qua chế biến rồi trở về lại hệ thống kinh tế. Một hoạt động kinh tế mà chất phế thải không thể sử dụng trở lại được vào hệ thống kinh tế, được xem là hoạt động gây tổn hại đến môi trường. Việc lãng phí tài nguyên không tái tạo được như than đá, dầu mỏ, khoáng sản,... hoặc việc sử dụng tài nguyên tái tạo được như các sản phẩm lâm nghiệp, thủy sản,... một cách quá mức khiến cho nó không thể hồi phục được, hoặc hồi phục sau một thời gian quá dài, là những hoạt động tổn hại đến môi trường. Các hoạt động phát triển luôn có hai mặt lợi và hại. Bản thân thiên nhiên cũng có hai mặt. Thiên nhiên là nguồn tài nguyên và phúc lợi đối với con người, nhưng đồng thời cũng là nguồn thiên tai, hiểm họa đối với đời sống và sản xuất của con người.

Một điều hiển nhiên đối với tất cả các

nước trên thế giới, nhất là các nước đang phát triển là các mục tiêu về phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường phải được gắn bó với nhau trong xây dựng mục tiêu, xác định chiến lược, kế hoạch hoá cũng như điều hành và quản lý thực hiện. Về phương diện này thì hiện nay môi trường miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam thực sự đã và đang bị suy thoái do việc khai thác tài nguyên thiên nhiên một cách bừa bãi như: nạn phá rừng, đất đai bị xói mòn, thoái hoá,... Môi trường miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam không còn khả năng cung cấp đủ cho con người những tài nguyên cần thiết để duy trì cuộc sống và hoạt động.

2. Thực trạng môi trường miền núi vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay

2.1. Điểm mạnh, lợi thế của miền núi vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Về phương diện phát triển nông - lâm nghiệp, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam có những điểm mạnh, lợi thế so sánh như sau:

Theo số liệu thống kê sơ bộ Việt Nam hiện có khoảng 9,42 triệu ha đất nông nghiệp và nhiều loại đất được xem là tốt như đất đỏ ba zan, đất nâu đỏ đá vôi,... Một số vùng đất nông nghiệp, lâm nghiệp tập trung hàng triệu héc ta, địa hình bằng phẳng cho phép tổ chức những vùng kinh tế nông - lâm - công nghiệp tập trung như Tây Nguyên và một số vùng phụ cận Tây Nguyên.

Khí hậu ở miền núi Việt Nam là rất khác nhau, nhưng nhìn chung là thuận lợi, ẩm mát, về mùa đông có nhiệt độ thấp, có thể gieo trồng được nhiều loại cây trồng có nguồn gốc ôn đới và giá trị kinh tế cao như một số loại rau xanh, được liệu, lúa,...

Do định cư lâu đời ở miền núi, đồng bào

các dân tộc thiểu số có truyền thống đoàn kết, tương trợ nhau cùng xây dựng cuộc sống. Qua nhiều thế hệ, họ đã đúc rút được nhiều kinh nghiệm trong sản xuất, canh tác, biết tận dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên, khắc phục được nhiều hạn chế về địa hình, nhiều kinh nghiệm canh tác trên đất dốc, kinh nghiệm luân canh, xen canh, gối vụ... và làm nông - lâm kết hợp có giá trị khoa học và giá trị thực tiễn cao.

2.2. Những hạn chế, bất lợi chủ yếu của miền núi

Địa hình chia cắt làm cho đất canh tác phân tán, manh mún không bằng phẳng, khiến cho việc áp dụng kỹ thuật tiên tiến vào canh tác, sản xuất, nhất là việc cơ giới hoá gặp nhiều khó khăn. Ngay trên một địa bàn, nhưng chế độ canh tác cũng khác nhau, ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả sản xuất "trên một sườn dốc vùng Phong Thổ (*Lai Châu*), người ta đã xây dựng tới hơn 400 bậc thang ruộng, và như thế, sườn dốc phải chia làm 3 phần: đỉnh, giữa và chân dốc, mỗi phần có một thời vụ, một mật độ cấy riêng, không phụ thuộc vào nhau, người dân địa phương gọi là " Cao san cù "; " Trung san cù " và " Tì san cù ", nhằm lẫn sẽ làm mất mùa hoặc ít ra là giảm thu hoạch (*Lê Văn Khoa (1997, tr 41)*).

Theo báo cáo của Cục Kiểm lâm thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tổng diện tích rừng trong cả nước khoảng 10,9 triệu ha; tỷ lệ rừng trên đầu người thấp nhất trên thế giới mới chỉ đạt 0,14ha/người (*thế giới là 0,97ha/người*) thêm vào đó độ che phủ đất và tầng đất mặt trong những năm gần đây cũng bị tha hoá trầm trọng rừng mất dần đến đất bị xói mòn, lũ lụt, hạn hán và làm cho đất đai ngày càng trở nên trống, trọc, môi trường tự nhiên bị tàn phá, cân bằng sinh thái bị đảo lộn.

Cơ sở hạ tầng yếu kém hơn so với miền

xuôi, mức độ vốn đầu tư vốn đã thấp, những công trình đã có xuống cấp, giao thông đi lại khó khăn, hiện tượng lũ quét xảy ra ngày càng nhiều với cường độ mãnh liệt dẫn đến tàn phá không chỉ mùa màng, tài sản, những công trình giao thông, thủy lợi mà còn cướp đi nhiều sinh mạng con người nhất là trong mấy năm gần đây.

2.3. Thực trạng môi trường miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay

2.3.1 Rừng bị suy thoái tài phá

Nói đến môi trường, trước hết là nói đến diện tích rừng và mật độ che phủ của thảm thực vật và đây cũng là thước đo để đánh giá mức độ an toàn sinh thái của một Quốc gia. Hiện nay ở Việt Nam có tổng diện tích rừng là 13.118.773 ha, trong đó rừng tự nhiên là 10.348.591 ha và rừng trồng là 2.770.182 ha. Rừng Việt Nam đang bị suy thoái nghiêm trọng, hàng năm có hàng trăm ha rừng bị tàn phá và chúng ta cũng đang gánh chịu những hậu quả mà mình gây ra đối với rừng. Theo thống kê của Cục kiểm lâm vào 12/2009: Việt Nam cứ 4145,74 ha rừng bị tàn phá. Rừng bị chặt phá trước tiên là để lấy đất trồng cây công nghiệp, nuôi thủy sản, xây dựng, cho mục đích nông nghiệp như: trồng cà phê, trồng cao su và phát triển trồng những cây lương thực, công nghiệp khác, hay phá rừng để làm các khu du lịch, vui chơi, giải trí,... Theo các nhà chuyên môn dự báo đến năm 2020 cả nước sẽ có 40% rừng còn lại bị tàn phá.

Với khu vực miền núi phía Bắc và Tây Nguyên được xem là có tiềm năng rừng lớn nhất của Việt Nam. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, chiều hướng phá rừng làm nương rẫy ngày càng tăng. Điều lạ lùng là rừng ở khối núi thượng nguồn sông Chảy (*Lào Cai*) tuy hiểm trở nhưng diện tích còn rất ít.

2.3.2 Suy giảm tài nguyên đất

Tác động tiêu cực của con người ở chế độ canh tác như đốt phá rừng bừa bãi, làm nương rẫy du canh, kể cả chế độ trồng cây lương thực và cây công nghiệp ngăn ngày đã gây ra không ít tai hại cho việc tàn phá đất đai, khiến cho tài nguyên rừng bị suy giảm nghiêm trọng. "ở Việt Nam do hậu quả của việc chặt phá rừng, đốt rừng bừa bãi, sử dụng đất không bền vững qua nhiều thế hệ nên đất bị thoái hoá nghiêm trọng, nhiều nơi mất khả năng sản xuất và xu hướng hoang mạc hoá ngày càng phát triển, nhất là ở các đất trống đồi trọc" (*Lê Văn Khoa, Nguyễn Ngọc Sinh, (2000, tr 114)*). Hiện tượng xói mòn, huỷ hoại đất xảy ra nghiêm trọng hơn cả là ở các vùng đồi núi và cao nguyên như Tây Bắc, Đông Bắc, dải núi miền Trung và Tây Nguyên; những vùng này ngoài việc phải chịu tiếp hậu quả của việc tàn phá lớp phủ thực vật rừng, các điều kiện chung của chế độ tự nhiên, còn có một số điều kiện thuận lợi cho xói mòn như địa hình cao, dốc, bị chia cắt mạnh, trong đó có nhiều sườn dốc tới 25 - 30 độ, là những yếu tố tự nhiên thúc đẩy cho việc rửa trôi lớp đất màu canh tác ở bên trên để trở lại đá gốc, không có khả năng trồng cây.

Đến nay, Việt Nam vẫn chưa có cách nào ngăn chặn được quá trình đại khí hậu như ngăn chặn không cho gió mùa Đông Nam ẩm ướt luồn vào các thung lũng và mang đến những cơn mưa gây nhiều lũ lụt, nhưng chúng ta có thể hạn chế một phần rất lớn tác hại do chúng gây ra bằng cách bảo vệ lớp phủ thực vật rừng, từ đó điều tiết được chế độ nước sông, ngăn chặn nạn xói mòn trên các đồi núi. Do đó, để bảo vệ và ngăn chặn sự suy giảm tài nguyên đất, cần khai thác rừng nói riêng và các tài nguyên thiên nhiên khác một cách hợp lý.

2.3.3 Suy giảm tài nguyên nước

Khi lớp phủ thực vật bị tàn phá, đất

không chỉ bị xói mòn, làm thay đổi các tính chất vật lý và hoá học mà còn gây ra hàng loạt hậu quả đối với môi trường sống. Đất bị rửa trôi, ô nhiễm nước và nồng độ tạp chất lớn, tính chất hoá học của nước thay đổi. Mặt khác, với lượng bùn, cát tích tụ theo các sông, suối chảy về lắng đọng lại trong các hồ chứa, bồi lấp trước các cửa đập dâng, các cửa lấy nước vào các hệ thống thủy nông vùng hạ lưu, làm ảnh hưởng đến sự vận hành và thậm chí làm tê liệt hoạt động của nhiều công trình. Đặc biệt vào mùa khô, những nơi mất rừng trở nên rất khắc nghiệt, các suối khô cạn, nạn thiếu nước trở nên trầm trọng, có vùng ngư dân phải di hàng chục cây số để lấy nước sinh hoạt như vùng Lục Khu ở Cao Bằng, vùng Đồng Văn, Mèo Vạc ở Hà Giang,... Tình trạng khan hiếm nước càng trở nên nghiêm trọng ở Tây Nguyên, nơi có 6 tháng mùa mưa và 6 tháng mùa khô. Những năm gần đây, do phát triển không cân đối các loại cây công nghiệp ở vùng này, dẫn đến tình trạng khai thác nguồn nước ngầm để tưới bừa bãi, làm cho nguồn nước mặt bị cạn kiệt, sụt mức nước ngầm.

2.3.4 Suy thoái đa dạng sinh học

Các hệ sinh thái vùng đồi núi thay đổi từ rừng mưa nhiệt đới đến các đồng cỏ gió mùa, các trảng cây bụi đã cho Việt Nam một tài nguyên động thực vật phong phú như các loài chim, thú, cá, cung cấp một nguồn gen đa dạng cho nuôi trồng. Cho đến nay nhiều loài thực vật bậc cao có hạt dùng làm nguồn lương thực, thực phẩm, làm thuốc chữa bệnh, thức ăn gia súc, lấy gỗ, tinh dầu và nhiều nguyên liệu khác đến nay đã mất dần. Theo đánh giá của các nhà nghiên cứu thì nhiều loài động vật và thực vật ở Việt Nam đang giảm sút nhanh chóng, bên cạnh việc mất nơi cư trú do rừng bị tàn phá, nguồn nước bị cạn kiệt về lượng và chất, còn có nguyên nhân do nạn săn bắn, buôn bán bừa bãi, đã tiêu diệt nhiều loài, thậm chí có loài

đã bị tiêu diệt hoàn toàn. Đã từ lâu, Việt Nam đã không còn loài heo vòi, tê giác hai sừng; các loài bò rừng, công, các loài chim trĩ cũng đang bị suy giảm và đang từng ngày vắng bóng trong nhiều khu rừng ở Việt Nam. Đây là một tổn thất rất lớn trên tất cả các phương diện: kinh tế, khoa học, môi trường và nhân văn và là nguyên nhân dẫn đến cân bằng sinh thái tự nhiên có thể bị đảo lộn.

2.3.5 Sự cố về môi trường

Lũ lụt thường tác động đến những vùng rộng lớn và kéo theo những tai họa khác như ngập úng, phá huỷ nhà cửa kênh mương. Ngày nay, xu hướng nóng lên của khí hậu toàn cầu do các khí thải có hiệu ứng nhà kính cũng góp phần làm cho lũ lụt, bão, hoạt động mạnh hơn về tần số và cường độ.

Cùng với bão lụt, hạn hán cũng xảy ra liên tiếp ở nhiều nơi, tuy mang tính cục bộ từng vùng, nhưng nếu liên hệ các hiện tượng tự nhiên bất thường ở nhiều vùng lại với nhau, ta dễ nhận ra đây là những tín hiệu không thể xem thường.

2.4. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng suy thoái môi trường miền núi vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Việt Nam đã và đang có nhiều cố gắng trong việc bảo vệ rừng và đa dạng sinh học, nhưng việc suy thoái môi trường và đa dạng sinh học vẫn đang diễn ra một cách mạnh mẽ ở nhiều nơi. Nguyên nhân có nhiều, nhưng có thể chia ra thành hai loại: nguyên nhân trực tiếp và nguyên nhân sâu xa như sau:

Nguyên nhân trực tiếp: Sự mở rộng đất nông nghiệp canh tác là một trong những nguyên nhân quan trọng nhất làm suy thoái môi trường và đốt nương làm rẫy, không những phá hoại lớp phủ thực vật rừng bởi "những sự đo đạc chính xác cho thấy khi đốt đất rẫy, nhiệt độ đất trên mặt có thể lên đến 100 độ, dưới các thân cây to cháy âm ỉ lâu

ngày đến trên 300 độ và độ sâu dưới mặt đất vẫn còn đến 180 độ. Đất rắn lại, cấu tạo đất bị phá huỷ và nếu còn trông trọt là chỉ nhờ vào lớp tro phủ hờ trên mặt đất mà thôi, lớp tro này rất dễ bị cuốn trôi vào thời gian có mưa lớn" (Lê Văn Khoa (1997, tr 54)).

Việc khai thác các sản phẩm ngoài gỗ theo đánh giá khoảng 2.300 loài thực vật cho các sản phẩm ngoài gỗ như song, mây, tre, nứa, lá các loại, cây dược liệu, cây cho dầu, nhựa,... được sử dụng và buôn bán trên thị trường trong nước và xuất khẩu. Nhiều loài động vật hoang dã cũng đang bị khai thác một cách mạnh mẽ khiến cho đa dạng sinh học ngày càng bị mất cân bằng và môi trường ngày càng suy giảm.

Tình trạng khai thác, buôn bán trái phép, xuất khẩu các loại gỗ quý hiếm, các loài động vật hoang dã vi phạm pháp lệnh bảo vệ rừng trong những năm vừa qua cũng là một trong những nguyên nhân trực tiếp góp phần làm suy giảm môi trường sinh thái ở Việt Nam.

Nguyên nhân sâu xa: Tăng dân số quá nhanh là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng suy thoái môi trường sinh thái ở Việt Nam. Sự gia tăng dân số đòi hỏi tăng nhu cầu sinh hoạt và các nhu cầu thiết yếu khác, nhất là tài nguyên đất cho sản xuất nông nghiệp. Sự gia tăng mật độ dân số đã dẫn đến nạn phá rừng và sự suy thoái nghiêm trọng về các hệ sinh thái và tài nguyên thiên nhiên. Dân số tăng nhanh dẫn đến tình trạng phải di chuyển dân từ vùng này sang vùng khác. Khi vấn đề di dân có tổ chức không bảo đảm đáp ứng nhu cầu di chuyển của nhân dân thì tình trạng di dân tự do sẽ bùng nổ và địa phương nơi có dân di cư tự do đến không nằm trong qui hoạch sẽ gánh chịu cảnh đất chật, người đông, nghèo đói, lạc hậu dẫn đến cuộc sống du canh, du cư và hậu quả là rừng bị phát quang, nhiều loại động vật có nguy cơ bị

tuyệt chủng, đất đai bị xói mòn, thoái hoá và mất khả năng canh tác.

Theo kết quả điều tra năm 2009, Việt Nam có đến 70,4% dân số sống ở nông thôn. Việt Nam là một trong những nước nông nghiệp phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên. Đất nông nghiệp ở nhiều nơi thiếu nghiêm trọng, nhiều người phải sống dựa vào rừng, đời sống rất thấp thêm. vào đó nghèo đói do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân thiếu ruộng, thiếu vốn đầu tư, nên những người nghèo thường phải đến sinh sống ở những nơi không thuận lợi, phải dựa vào tài nguyên thiên nhiên để sinh sống, do đó đã tác động một phần không nhỏ trong việc làm cho tài nguyên thiên nhiên ngày càng suy giảm nhanh chóng.

Chính sách đổi mới kinh tế vĩ mô đã đem lại diện mạo hoàn toàn mới cho nền kinh tế Việt Nam trong những năm gần đây. Tuy nhiên, do nhu cầu thực tế phục vụ cho phát triển kinh tế ngày càng tăng, các khu công nghiệp, các thành phố, thị trấn, thị tứ ngày càng mở rộng và phát triển, trong khi nguồn tài nguyên thiên nhiên thì có hạn. Do đó, môi trường ở Việt Nam, nhiều nơi có sự suy thoái với mức báo động, đặc biệt là suy thoái đất, rừng, nguồn nước và đa dạng sinh học.

3. Kiến nghị những giải pháp phát triển môi trường miền núi vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam giai đoạn 2012-2020

Như đã phân tích, sự khai thác quá mức của con người đối với tự nhiên làm cạn kiệt tài nguyên, nhất là những tài nguyên không tái tạo được, đã và đang đe dọa tương lai của chính chúng ta. Do đó, nghiên cứu đưa ra những giải pháp phát triển môi trường miền núi vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam giai đoạn 2012- 2020 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Là một nhà nghiên cứu chính sách dân

tộc của Đảng, Nhà nước, trong đó địa bàn chủ yếu là các tỉnh miền núi, nơi đại đa số đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống, để có những giải pháp phát triển môi trường miền núi vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam giai đoạn 2012- 2020, theo tác giả, Việt Nam cần thực hiện tốt một số giải pháp cơ bản sau:

Môi là, phối hợp chặt chẽ với các địa phương tuyên truyền, giáo dục cho đồng bào các dân tộc thiểu số nâng cao nhận thức về môi trường.

Trong bối cảnh chung về tài nguyên thiên nhiên và môi trường sống của chúng ta hiện nay, cũng như trong điều kiện cụ thể về tài nguyên môi trường của Việt Nam, trong đó có tài nguyên môi trường ở miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đang trên đà suy thoái, mục tiêu đưa ra giải pháp phát triển môi trường miền núi vùng đồng bào dân tộc thiểu số chỉ có thể đạt được khi mỗi người dân hình thành cho mình một nhận thức mới. Đó là sự phát triển hiện nay và nhất là những năm đầu của thế kỷ 21, không chỉ là những chỉ số về kinh tế GDP hay GNP, mà đó là các chỉ số tổng hợp: kinh tế phát triển bền vững; môi trường sống có chất lượng tốt. Con người và xã hội là bộ phận đặc thù của tự nhiên, sự tồn tại và phát triển của con người và xã hội không thể tách rời giới tự nhiên. Nhận thức đó bảo đảm cho người dân ở mọi miền đất nước có thu nhập và mức sống tương đương nhau, không còn khoảng cách chênh lệch quá xa giữa đồng bằng và miền núi, giữa các vùng, các nhóm dân cư với nhau. Dĩ nhiên, đây không phải là sự cào bằng mà đây là sự phát triển theo chiều sâu. Mọi người, mọi vùng đều có mặt bằng kinh tế thống nhất trong đa dạng và phát triển kinh tế phải được luận chứng đầy đủ và chính xác về mặt môi trường sống.

Về văn hoá xã hội, bảo đảm cho đồng bào các dân tộc thiểu số có mức hưởng thụ văn

hoá chung như các vùng đồng bằng về phát thanh, truyền hình được phủ sóng đến cả những nơi vùng sâu vùng xa. Từng bước xây dựng văn hoá môi trường bằng cách phát huy, khai thác những giá trị văn hoá truyền thống dân tộc và tiếp thu có chọn lọc những thành tựu văn hoá hiện đại cho phù hợp với nhiệm vụ xây dựng ý thức bảo vệ môi trường hiện nay là biết sống hài hoà với thiên nhiên, gắn bó với thiên nhiên, biết khai thác và sử dụng thiên nhiên trong giới hạn cho phép để phát triển kinh tế - xã hội.

Hai là, xây dựng thể chế và công cụ quản lý môi trường.

Tích cực tham vấn với các nhà hoạch định chính sách và các địa phương xây dựng các luật tục, hương ước về sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách có hiệu quả, làm nền tảng cho việc giáo dục ý thức về sinh thái và nâng cao trách nhiệm bảo vệ môi trường đối với đồng bào các dân tộc thiểu số. Công tác giáo dục ý thức về môi trường phải thực hiện thường xuyên và liên tục, cần phải xây dựng về mặt nội dung, quỹ thời gian và hình thức giáo dục thích hợp với từng loại đối tượng trong xã hội.

Đối với cán bộ, công chức, công nhân viên công tác và sinh sống ở miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, cần đưa trình độ hiểu biết về môi trường và trách nhiệm bảo vệ môi trường vào một trong những tiêu chuẩn đánh giá phẩm chất đạo đức của cán bộ. Cán bộ quản lý, cán bộ lãnh đạo các cấp, cán bộ khoa học kỹ thuật, các chủ doanh nghiệp, các giám đốc công ty, xí nghiệp từ Trung ương đến địa phương phải là những người đi đầu trong việc nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường. Không vì lợi nhuận kinh tế mà bỏ qua các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường sinh thái.

Ba là, tăng cường và đa dạng hoá nguồn lực tài chính cho bảo vệ môi trường miền núi.

Các địa phương cần đề xuất, xây dựng chính sách thu hút các nguồn lực tài chính đầu tư cho việc phát triển và bảo vệ môi trường ở miền núi vùng đồng bào dân tộc thiểu số từ nhiều nguồn khác nhau như: từ nguồn ngân sách nhà nước, từ các chính sách kinh tế về bảo vệ môi trường, trích từ nguồn lợi do khai thác tài nguyên môi trường để đầu tư lại cho việc bảo vệ môi trường, từ sự đóng góp của xã hội và từ nguồn viện trợ của các tổ chức trong và ngoài nước.

Bốn là, xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ môi trường.

Cần tuyên truyền, giáo dục cho đồng bào các dân tộc thiểu số và nhân dân sinh sống ở miền núi thống nhất nhận thức rằng bảo vệ môi trường là sự nghiệp của toàn dân. Sự nghiệp này chỉ có thể thực hiện thắng lợi với sự tham gia tự giác của đông đảo quần chúng nhân dân, tạo thành một phong trào rộng lớn, thường xuyên và lâu dài.

Phong trào quần chúng xây dựng trên cơ sở giáo dục, phát huy truyền thống tập quán của các dân tộc, dựa vào các tổ chức quần chúng hiện có như Hội liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Hội cựu chiến binh, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, xây dựng thêm các tổ chức mới thích hợp như: Hội bảo vệ thiên nhiên môi trường, Hội bảo vệ, cứu trợ động vật hoang dã,...

*

Tóm lại, hủy hoại môi trường sống hiện nay đã trở thành vấn đề toàn cầu, là yếu tố thách thức trí tuệ và ý chí của con người. Trong nền văn minh công nghiệp, con người đã đạt được những thành tựu rực rỡ trong sản xuất của cải vật chất và mọi mặt của đời sống xã hội. Song cũng chính mặt hạn chế của khoa học và công nghệ cùng với nhu cầu và nhận thức của con người đang tạo ra

nguy cơ có thể xảy ra cuộc khủng hoảng môi trường toàn cầu, đe dọa sự sống của loài người. Do đó, xây dựng ý thức môi trường là một trong những yếu tố nền tảng chủ yếu làm thay đổi nhận thức và hành vi của con người hướng tới mục tiêu phát triển, góp phần tái hoà nhập giữa con người - xã hội và tự nhiên đã trở thành vấn đề cấp bách của thời đại.

Tri thức của con người về thế giới vẫn là cái có giới hạn so với cái vô hạn của thế giới vật chất, môi trường, sinh thái. Tuy nhiên, những tri thức mà con người đã biết, đủ cho phép con người nhận thức được rằng ngày nay vấn đề khủng hoảng môi trường, sinh thái đã vượt ra khỏi giới hạn quốc gia, khu vực và mang tính toàn cầu. Do đó, chỉ có con người, đỉnh cao của sự tiến hoá của giới tự nhiên, với tinh ưu trội là có ý thức và biết lao động sản xuất cải tạo thế giới tự nhiên mới có khả năng giải quyết vấn đề khủng hoảng môi trường. Tuy nhiên, thực hiện nhiệm vụ đó phải là hoạt động có ý thức, có sự phối hợp chặt chẽ giữa cá nhân, cộng đồng và xã hội, giữa các quốc gia, khu vực và toàn cầu. Thế giới tự nhiên là ngôi nhà chung của con người và xã hội hiện nay, cần được bảo vệ, con người, không phân biệt màu da, quốc tịch, cần phải thay đổi hành vi ứng xử với thiên nhiên.

Trong tiến trình công nghiệp hoá hiện đại hoá ở Việt Nam hiện nay, cùng với những thành tựu to lớn về phát triển kinh tế - xã hội, vấn đề môi trường, nhất là môi trường miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đang có những biểu hiện suy thoái trầm trọng. Đây là một thách thức cho sự phát triển vì vậy trong kế hoạch, qui hoạch phát triển kinh tế - xã hội nói chung, phát triển

kinh tế - xã hội miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng cần tính toán và gắn chặt chẽ với chiến lược bảo vệ môi trường để phát triển môi trường miền núi vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bùi Xuân Hiếu (1996), "*Bảo vệ môi trường sống - Vấn đề có tính thời đại*", *Tạp chí Cộng sản*, số 17-4, 1996.

Lê Bá Thảo (2001), *Thiên nhiên Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2001.

Lê Văn Khoa Chủ biên (1997), *Môi trường và phát triển bền vững ở Miền núi*, Nxb Giáo dục, 1997.

Lê Văn Khoa, Nguyễn Ngọc Sinh (2000), *Chiến lược và chính sách môi trường*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000.

Phạm Văn Boong (2002), *ý thức sinh thái và vấn đề phát triển lâu bền*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.

Phạm Thị Ngọc Trâm (1997), *Môi trường sinh thái vấn đề và giải pháp*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.

Luật Bảo vệ môi trường năm 2005.

Tài liệu Hội thảo "Trao đổi thông tin, kinh nghiệm về bảo vệ môi trường khu vực miền núi phía Bắc", Vụ Hợp tác Quốc tế- Ủy ban Dân tộc tổ chức ngày 16-17/9/2005.

Các trang web:

http://vi.wikipedia.org/wiki/N%C3%B4ng_th%C3%B4n_V%E1%BB%87t_Nam, ngày 10 tháng 11 năm 2011.

http://www.giaoducuckhoe.soctrang.gov.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=710:rong-gia-tr-cuc-sng-t-thien-nhien&catid=41:thong-tin-sc-khe-thang-6-nm-2011&Itemid=4, ngày 06 Tháng 7 năm 2011.

<http://www.baomoi.com/Giai-quyet-viec-lam-cho-nong-dan-bi-thu-hoi-da/147/3220550.epi>, ngày 3 tháng 6 năm 2009.